

Số: 98/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự
nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-
BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 4525/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Báo cáo
tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 726/BC-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 297/BC-HĐND ngày 09 tháng
12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự
nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 – 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh
Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số
94/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính.

Mức chi quy định tại Nghị quyết này (trừ nhiệm vụ chi để thuê dịch vụ tư
vấn và chi giải thưởng môi trường) không bao gồm mức chi trực tiếp cho đối
tượng thụ hưởng là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý
của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh; ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh
phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi lập nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán:

Đơn vị tính: nghìn đồng/nhiệm vụ, dự án

TT	Chi phí trực tiếp của nhiệm vụ, dự án	Mức chi
1	Dưới 1 tỷ đồng	5.000
2	Từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng	16.000
3	Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng	80.000
4	Từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng	100.000
5	Từ 15 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	120.000
6	Từ 20 tỷ đồng đến dưới 25 tỷ đồng	140.000
7	Từ 25 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng	160.000
8	Từ 30 tỷ đồng đến dưới 35 tỷ đồng	174.000
9	Từ 35 tỷ đồng đến dưới 40 tỷ đồng	185.500
10	Từ 40 tỷ đồng đến dưới 45 tỷ đồng	192.000
11	Từ 45 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	198.000
12	Từ 50 tỷ đồng trở lên	200.000

2. Mức chi họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ:

- a) Chủ tịch hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên, thư ký: 300.000 đồng/người/buổi.
- c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.
- d) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết.
- đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng: 300.000 đồng/bài viết.

3. Mức chi lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (trường hợp không thành lập hội đồng), tối đa không quá 5 bài viết: 500.000 đồng/bài viết.

4. Mức chi điều tra, khảo sát:

- a) Chi lập mẫu phiếu điều tra: 500.000 đồng/phiếu mẫu được duyệt.
- b) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin:

- Cá nhân: 40.000 đồng/phiếu từ 30 chỉ tiêu trở xuống; 50.000 đồng/phiếu trên 30 chỉ tiêu.

- Tổ chức: 85.000 đồng/phiếu từ 30 chỉ tiêu trở xuống; 100.000 đồng/phiếu trên 30 chỉ tiêu.

c) Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài): 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày).

d) Chi cho người dẫn đường: 100.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc: 200.000 đồng/người/ngày.

Mức chi cho người dẫn đường và chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên.

5. Mức chi báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:

a) Báo cáo tổng kết nhiệm vụ: 5.000.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo tổng kết dự án: 10.000.000 đồng/báo cáo (đối với dự án có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng); 15.000.000 đồng/báo cáo (đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên).

6. Mức chi hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Chủ tịch hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi.

b) Phó chủ tịch hội đồng: 600.000 đồng/người/buổi.

c) Ủy viên, thư ký hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi.

d) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.

đ) Bài nhận xét của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết.

e) Bài nhận xét của ủy viên hội đồng: 300.000 đồng/bài viết.

g) Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03): 400.000 đồng/bài viết.

7. Mức chi hội thảo khoa học:

a) Người chủ trì: 500.000 đồng/người/buổi hội thảo.

b) Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/người/buổi hội thảo.

c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi hội thảo.

d) Báo cáo tham luận: 350.000 đồng/bài viết.

8. Mức chi hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ:

a) Nghiệm thu nhiệm vụ:

- Chủ tịch hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên, thư ký: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Nghiệm thu dự án:

- Chủ tịch hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên, thư ký: 400.000 đồng/người/buổi.
- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết.
- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng: 400.000 đồng/bài viết.
- Đại biểu mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.

9. Mức chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã: Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

10. Mức chi giải thưởng môi trường:

- a) Tổ chức: 20.000.000 đồng/tổng giải thưởng.
- b) Cá nhân: 15.000.000 đồng/tổng giải thưởng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ1

CHỦ TỊCH
Trịnh Thị Minh Thanh